

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 269/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 6 – 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Trường.
- Ông Đỗ Văn Nhận.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Vũ Phong, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 489/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986; Căn cước số 096186012829, cấp ngày 23/12/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: Ấp Giáp N, xã Phú M, tỉnh Cà Mau. Hiện đang sinh sống tại ấp L, xã Hưng M, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng N, sinh năm 1982; Căn cước công dân số 096082009427, cấp ngày 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Địa chỉ: Ấp Giáp N, xã Phú M, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa M, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Hưng M, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân theo chị D trình bày là anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện chị và anh N sống ly thân khoảng hơn 05 tháng nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai và chị cũng không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Riêng anh N thừa nhận lời trình bày của chị

D về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân là đúng nhưng hiện anh vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn mà yêu cầu Tòa án hàn gắn, đoàn tụ.

Về con chung, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N chung sống với nhau có 02 người con chung là Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 14/9/2006 và Nguyễn Ánh Phúc, sinh ngày 22/6/2015. Hiện cháu Trọng phúc đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân được nên chị D, anh N không đặt ra yêu cầu. Riêng cháu Ánh Phúc, hiện đang chung sống cùng chị D nên khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh N cho rằng trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao cháu Ánh Phúc cho chị D nuôi, không cấp dưỡng nuôi con, cháu Ánh Phúc có nguyện vọng được chung sống với chị D khi anh, chị ly hôn.

Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị Nguyễn Thị D (nguyên đơn) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 28/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa M, huyện Cái N, tỉnh Cà Mau nay thuộc Ủy ban nhân dân xã Hưng M, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số: 18/2005, nên hôn nhân của các đương sự được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét mâu thuẫn thực tế được các đương sự thừa nhận là có thật và cũng xuất phát từ mâu thuẫn nêu trên, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn nên không đồng ý tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với bị đơn. Riêng bị đơn có yêu cầu hàn gắn, đoàn tụ nhưng kể từ khi mâu thuẫn xảy ra cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng vốn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong khi nguyên đơn không đồng ý đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong quan hệ hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thì mới xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Mặc dù, hôn nhân giữa các đương sự được xác lập trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật song nguyên đơn hiện không còn tình cảm với bị đơn, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng cũng không mang lại hạnh phúc, không đúng với

mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Do đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn được chấp nhận.

[3] Về con chung là Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 14/9/2006 và Nguyễn Ánh Phúc, sinh ngày 22/6/2015. Hiện cháu Trọng phúc đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên khi ly hôn, các đương sự không đặt ra yêu cầu gì về con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Ánh Phúc, nguyên đơn có yêu cầu nuôi và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, bị đơn cũng đồng ý theo yêu cầu trên của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nêu trên giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, các đương sự tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung, các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nguyên đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D về việc xin ly hôn anh Nguyễn Trọng N.

- Về con chung Nguyễn Trọng Phúc, sinh ngày 14/9/2006 và Nguyễn Ánh Phúc, sinh ngày 22/6/2015. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu Ánh Phúc cho chị Nguyễn Thị D trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ anh Nguyễn Trọng N cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Trọng Phúc đã thành niên, tự nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

Anh N có quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trọng N khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 28/4/2026, chị D đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0005215 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Hưng M,
tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Hoài Ân